

Số: 39 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 5 năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

ĐẾN	Số: 4466
	Ngày: 30/5/18
	Chuyên:

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020



Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Qua hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 (sau đây gọi tắt là Đề án), bước đầu Đề án đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: sản xuất tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế ngành có sự chuyển dịch theo hướng tích cực; bước đầu hình thành vùng sản xuất tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá; giá trị thu hoạch bình quân trên một ha tăng, nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt ở mức cao so chỉ tiêu Đề án đã đề ra.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Đề án có những bất cập cần được điều chỉnh, bổ sung kịp thời, cụ thể là:

- Đề án được nghiên cứu xây dựng trong bối cảnh trước khi diễn ra Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), một số chỉ tiêu chưa sát với nội dung Nghị quyết của Đại hội. Đề án được xây dựng có quá nhiều mục tiêu, lĩnh vực nên còn mang tính dàn trải, thiếu nguồn lực để đầu tư cho Đề án dẫn đến khó có khả năng hoàn thành các mục tiêu của Đề án đề ra. Mặt khác, Đề án chưa đề cập nhiều đến phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững.

- Đề án trước đây tuy có đề cập nhưng chưa cụ thể về xây dựng các dự án, các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong sản xuất và

tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản, nhất là các sản phẩm hàng hóa chủ lực.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, Trung ương đã ban hành một số chương trình, kế hoạch liên quan đến cơ cấu lại ngành nông nghiệp như: Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (*Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017*); Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 (*theo Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ*) và Kế hoạch triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí giám sát đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 (*theo Quyết định số 3449/QĐ-BNN-KH ngày 21/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Từ những bất cập nêu trên, việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 nhằm khắc phục những tồn tại, khó khăn, đáp ứng được yêu cầu thực tế trong tình hình mới là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 cho phù hợp với các chỉ tiêu của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), phù hợp với các quy định mới của Trung ương và yêu cầu thực tế về phát triển nông nghiệp trong tình hình mới.

2. Quan điểm chỉ đạo

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm đảm bảo cho việc tổ chức, triển khai thực hiện Đề án phù hợp với các chỉ tiêu của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), phù hợp với các quy định mới của Trung ương và yêu cầu về phát triển nông nghiệp trong tình hình mới.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều chỉnh, bổ sung những nội dung sau:

- Bổ sung phân định hướng cơ cấu lại theo lĩnh vực, sản phẩm theo: Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương (*theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020*);

- Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu tổng hợp của Đề án.

- Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tái cơ cấu các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nông thôn và nguồn lực thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Giữ nguyên những nội dung không bổ sung, điều chỉnh của Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị-xã hội, UBND các huyện, thành phố có liên quan đến việc tổ chức, thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT

1. Bổ sung phần định hướng

a) Cơ cấu lại theo lĩnh vực, sản phẩm

- Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia: là thịt lợn, thịt gia cầm, tôm nuôi, gỗ nguyên liệu chế biến sâu (sản phẩm sau dăm gỗ, ván ghép thanh...)

- Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: tập trung vào nhóm sản phẩm chủ lực, có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn như: mía, mì, ngô, lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ, tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng, rau an toàn, bò thịt, trâu thịt miền núi,...

- Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương: Chè Minh Long, kẹo gương, đường phèn, đường phôi, ớt xiêm rừng, rau dớn, cá niên, heo ki, cá bóng Sông Trà, gà H're và các sản phẩm đặc sản khác của từng địa phương.

b) Cơ cấu lại nông nghiệp theo vùng

- Khu vực miền núi: Bảo vệ tốt rừng tự nhiên, rừng phòng hộ đầu nguồn, phát triển mạnh rừng gỗ lớn và phát triển các lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng như: Sa nhân tím, sâm cau, song mây, ớt xiêm, khổ qua rừng, rau dớn ... Tập trung phát triển vùng nguyên liệu (mía, mì, gỗ lớn), phát triển trâu thịt, phục tráng giống và phát triển các loại vật nuôi đặc sản, bản địa (heo ki, heo Kiêng sắt, gà H're...) cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Phát triển nuôi thủy sản ở các hồ thủy lợi, thủy điện và trên các sông, suối với các đối tượng nuôi truyền thống (cá trắm cỏ, rô phi, cá lóc,...) gắn với bảo tồn, tái tạo và phát triển đa dạng nguồn lợi thủy sản.

- Khu vực đồng bằng

Chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng cận có giá trị kinh tế cao; xây dựng cánh đồng lớn, tích tụ ruộng đất để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực: sản xuất lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ; phát triển vùng rau an toàn, cây ăn quả. Phát triển các sản phẩm nông

nghiệp đặc sản gắn với xây dựng thương hiệu của từng sản phẩm theo lợi thế của địa phương. Phát triển chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, xây dựng các cơ sở giống chất lượng cao, vùng sản xuất chăn nuôi an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

- Vùng ven biển: Phát triển nuôi thủy sản nước lợ ở khu vực cửa sông, cửa biển; nuôi thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học vùng ven biển. Các đối tượng nuôi chủ lực là tôm chân trắng, tôm sú, phát triển các đối tượng thủy sản có tiềm năng như hải sâm ở xã Phô Thạnh, ốc hương, cá mú, cá vược, cua, rong biển, vịt biển Đại Xuyên 15, ... gắn với bảo vệ tốt môi trường nuôi thủy sản. Ưu tiên vốn để đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng thủy sản, nhất là các cảng cá và cơ sở hậu cần nghề cá để nâng cao chất lượng dịch vụ và tránh trú bão cho tàu thuyền. Thực hiện có hiệu quả các dự án trồng rừng ngập mặn ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Vùng hải đảo: Phát triển cây tỏi Lý Sơn gắn với phát triển du lịch sinh thái. Đầu tư phát triển nuôi thủy sản thâm canh và công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái (tôm hùm, cá mú, cá bớp, cá hồng, hào Thái Bình Dương...). Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao ở vùng biển Lý Sơn; chú trọng công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản cho Khu Bảo tồn biển Lý Sơn với các đối tượng như: Hải sâm, bào ngư, trai tai tượng khổng lồ, nhum (câu gai), cua Huỳnh đế,...

2. Điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu tổng hợp

a) Các chỉ tiêu điều chỉnh đến năm 2020:

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất canh tác: Từ 65 triệu đồng/ha thành 85 triệu đồng/ha
- Tỷ lệ đàn bò lai: Từ 65% thành 70%
- Sản lượng thủy sản khai thác: Từ 150 - 160 nghìn tấn thành 206 nghìn tấn..
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: Từ >90% thành 95%.

b) Các chỉ tiêu bổ sung

- Số xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 98 xã và 6 huyện, thành phố.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội: 40%.
- Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp

3. Điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu theo lĩnh vực

a) **Bổ sung tái cơ cấu trồng trọt**

a1) **Bổ sung giải pháp đầu tư phát triển**

- *Xây dựng vùng sản xuất lúa giống*: Đến năm 2020, xây dựng vùng sản xuất lúa giống của tỉnh đạt khoảng 500 ha gieo trồng (tại các huyện: Bình Sơn 70 ha,

Sơn Tịnh 50 ha, Tư Nghĩa 80 ha, Nghĩa Hành 50 ha, Mộ Đức 150 ha, Đức Phổ 60 ha và thành phố Quảng Ngãi 40 ha), sản lượng khoảng 5.000 tấn lúa giống, đáp ứng khoảng 90% nhu cầu lúa giống/năm phục vụ sản xuất trong tỉnh và đảm bảo nguồn giống dự phòng khi có thiên tai.

- *Xây dựng vùng sản xuất lúa gạo hữu cơ, lúa chất lượng cao:* Vùng sản xuất: Tập trung tại các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Bình Sơn và một số địa phương khác có điều kiện phù hợp với quy mô khoảng 200 ha gieo trồng, sản lượng khoảng 1.000 tấn lúa (tương đương khoảng 800 tấn gạo hữu cơ).

- *Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn đạt chứng nhận VietGAP:* Vùng sản xuất: Các vùng có điều kiện thuận lợi như: Thành phố Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Sơn Hà...

- *Xây dựng vùng sản xuất cây ăn quả an toàn gắn với xây dựng VietGAP huyện Nghĩa Hành:* Vùng sản xuất: Huyện Nghĩa Hành với quy mô khoảng 200 ha với nhóm cây ăn quả chính như: chôm chôm, bưởi, sầu riêng...

- *Dự án vùng sản xuất rau, củ và quả được liệu công nghệ cao:* Vùng sản xuất: Huyện Mộ Đức.

- *Dự án sản xuất, chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ hành - tỏi và du lịch sinh thái thiên đường Tỏi Lý Sơn.*

- *Dự án Trang trại rau củ quả an toàn:* Vùng sản xuất: Huyện Mộ Đức với công suất 600 kg rau, quả/ngày; 180 tấn rau củ quả/năm.

- *Mô hình trồng thử nghiệm một số cây trồng mới trên địa bàn tỉnh (cây gai xanh, cây tỏi voi Nhật Bản ...) trên địa bàn tỉnh*

- *Dự án sản xuất Rau - củ - quả an toàn và tiêu thụ sản phẩm:* Vùng sản xuất: Huyện Trà Bồng với công suất thiết kế 37,5 tấn/năm rau ăn lá; 258,5 tấn/năm các loại củ, quả.

Tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư khác đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ theo chính sách ưu đãi hiện hành của nhà nước.

a2) Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

- Điều chỉnh các quy hoạch:

+ Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn ở các huyện đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2009 - 2015, định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 29/04/2010 của UBND tỉnh.

+ Quy hoạch bố trí hệ thống cây trồng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 tại Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh.

- *Bổ sung Quy hoạch:* Quy hoạch phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2018-2025.

Các quy hoạch trên sẽ được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh sau khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành.

a3) Bổ sung chính sách hỗ trợ

- Xây dựng mới chính sách: Hỗ trợ khuyến khích sản xuất tiêu thụ nông sản sạch, nông sản hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

a4) Bổ sung các nhóm giải pháp

- Hoàn thành chính sách tích tụ ruộng đất, thực hiện dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn nhằm tạo ra vùng sản xuất tập trung; xây dựng chính sách ưu đãi về giá cho thuê đất, ưu đãi về tín dụng để thu hút các doanh nghiệp đầu tư các dự án nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao.

- Xây dựng thương hiệu mới cho các sản phẩm có giá trị kinh tế cao như: hành tím (Lý Sơn, Bình Hải), cây ăn quả an toàn (huyện Nghĩa Hành) và các sản phẩm khác có đủ điều kiện.

b) Bổ sung tái cơ cấu chăn nuôi

b1) Bổ sung giải pháp đầu tư phát triển

** Nhóm dự án đã được UBND tỉnh quyết định đầu tư*

- Dự án Trang trại bò sữa Vinamilk Quảng Ngãi.
- Dự án Chuỗi giá trị công nghệ cao FOB Mộ Đức.
- Dự án đầu tư Trang trại chăn nuôi heo thịt theo hướng công nghiệp sạch Phú Hiệp.

- Dự án đầu tư Kinh tế trang trại chăn nuôi heo công nghiệp .

- Dự án Cơ sở Chăn nuôi gia súc theo hướng công nghiệp sạch Phổ Cường

- Dự án Cơ sở chăn nuôi heo giống và heo thịt

- Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thịt sạch An Hội

- Dự án Trang trại chăn nuôi heo sạch Xuân An

- Dự án Trang trại chăn nuôi gia súc chất lượng cao Sông Trà

- Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thịt sạch Thảo Nguyên Xanh.

Ngoài các dự trên, tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư khác đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi theo chính sách ưu đãi hiện hành của nhà nước.

** Nhóm dự án kêu gọi đầu tư*

- Dự án giết mổ gia cầm sạch theo hướng công nghiệp công suất 200 - 500 con/giờ/nhà máy. Địa điểm thực hiện: Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Dự án giết mổ gia súc công nghiệp quy mô từ 10.000 - 12.000 tấn thịt lợn mót hàm/năm, 1.000 - 1.200 tấn thịt bò/năm. Địa điểm thực hiện: Thành phố Quảng Ngãi, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức.

- Dự án nhà máy sản xuất thức ăn tổng hợp cho gia súc, gia cầm, công suất từ 60.000 - 80.000 tấn/năm. Địa điểm thực hiện: Các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b2) Xây dựng thương hiệu sản phẩm

Từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm: Trâu Ba Tư, bò Quảng Ngãi, heo ki, heo Kiên Sắt, gà H're... có thể truy xuất nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

c) Tái cơ cấu lâm nghiệp

c1) Điều chỉnh phân định hướng

Định hướng đến năm 2020, diện tích có rừng là 287.459 ha, trong đó 161.284 ha rừng sản xuất và 126.175 ha rừng phòng hộ **điều chỉnh thành** Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 diện tích đất lâm nghiệp là 285.127 ha (rừng đặc dụng: 20.323 ha, rừng phòng hộ: 96.219 ha, rừng sản xuất: 168.585 ha).

c2) Điều chỉnh, bổ sung phần mục tiêu và nhiệm vụ

- Điều chỉnh phần mục tiêu và nhiệm vụ đối với rừng phòng hộ

Bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ hiện có; phân đầu mỗi năm trồng mới từ 1.000 - 3.000 ha **điều chỉnh thành** “Bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ hiện có; phân đầu mỗi năm trồng mới khoảng 200 ha bằng phương thức trồng đai cây xanh phân định ranh giới giữa các loại rừng”.

- Điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ đối với rừng sản xuất

Đến năm 2020, tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp mới được công nhận đưa vào trồng rừng đạt 60-70% **điều chỉnh thành** “Đến năm 2020, tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp được kiểm soát về chất lượng đưa vào trồng rừng đạt 60-70%”.

c3) Điều chỉnh các chính sách hỗ trợ

- Không xây dựng chính sách: “Xây dựng, ban hành chính sách về khung hưởng lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh để người dân thấy được rõ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia vào sản xuất kinh doanh lâm nghiệp”¹.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến lâm sản có chất lượng cao nhằm mang lại giá trị gia tăng cho nhà sản xuất và người trồng rừng **điều chỉnh thành** Thúc đẩy tuyên truyền chính sách khuyến khích, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến lâm sản có chất lượng cao nhằm mang lại giá trị gia tăng cho nhà sản xuất và người trồng rừng.

- “Xây dựng chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại thông qua các hội chợ triển lãm quốc tế về đồ gỗ tổ chức tại Việt Nam...” **điều chỉnh thành** “Hỗ trợ xúc

¹ Đã có các chính sách hưởng lợi theo quy chế quản lý từng loại rừng

tiên thương mại thông qua các hội chợ triển lãm quốc tế về đồ gỗ tổ chức tại Việt Nam...."

c4) Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án

- *Điều chỉnh dự án*: Dự án Xây dựng cơ sở giống cây lâm nghiệp chất lượng cao bằng phương pháp nuôi cấy mô, *địa điểm thực hiện*: Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa **điều chỉnh thành trên địa bàn tỉnh**. Điều chỉnh thời gian thực hiện năm 2015 **điều chỉnh thành** “giai đoạn 2018-2020”.

- *Bổ sung các dự án*

+ Dự án Hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng.

+ Dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020².

+ Dự án Rà soát chuyển đổi rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030³.

+ Dự án Quy hoạch hệ thống rừng giống và vườn ươm đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030⁴.

+ Dự án Mô hình trồng rừng phòng hộ và mô hình trồng đai cây xanh phân định ranh giới giữa các loại rừng tỉnh Quảng Ngãi⁵.

+ Dự án Trồng rừng ngập mặn ven biển các huyện Tư Nghĩa, Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2021.

+ Dự án Trồng mới rừng phòng hộ ven biển và cảnh quan môi trường tại huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Các quy hoạch trên sẽ được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành.

d) Tái cơ cấu thủy sản

d1) Bổ sung phần định hướng phát triển

- Đối với khai thác thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản một cách hiệu quả đi đôi với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản trên cơ sở hợp lý hoá cơ cấu đội tàu khai thác, tăng cường năng lực đội tàu khai thác xa bờ. Giảm dần số lượng tàu thuyền một cách hợp lý đồng thời tổ chức lại sản xuất ngành khai thác theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế đội tàu, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, phát triển các nghề khai thác thân thiện với môi trường, hạn chế các nghề khai thác mang tính hủy hoại và nguy hiểm như nghề lưới vây, lưới rê, mực xà, câu.... Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ

²Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh

³Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh

⁴Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh

⁵Quyết định phê duyệt Thiết kế kỹ thuật thi công tại Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 08/01/2018

tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

- Đối với nuôi trồng thủy sản: Chú trọng nuôi thủy sản gắn với bảo vệ môi trường; phát triển nuôi thủy sản theo hình thức thâm canh.

- Đối với cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá: Xã hội hóa các nguồn vốn để hoàn thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ cho ngành thủy sản, trước hết là các công trình cảng, bến cá, thông luồng, vũng neo đậu trú bão tàu thuyền nhằm thu hút nguồn nguyên liệu thủy sản về địa phương.

d2) Điều chỉnh một số chỉ tiêu khai thác, nuôi trồng thủy sản

- Tổng sản lượng thủy sản khai thác đến năm 2020 từ 150.000 - 160.000 tấn/năm **điều chỉnh thành** 206.000 tấn/năm.

- Số lượng tàu thuyền khai thác giảm còn dưới 4.500 chiếc với tổng công suất 1.200.000 CV **điều chỉnh thành** số lượng tàu thuyền khai thác giảm còn dưới 5.300 chiếc với tổng công suất 1.600.000 CV.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản phần đầu đến năm 2020 đạt 2.500 ha, trong đó nuôi mặn, lợ 800 ha **điều chỉnh thành**: Diện tích nuôi trồng thủy sản phần đầu đến năm 2020 đạt 2.350 ha, trong đó nuôi mặn, lợ 850 ha.

d3) Bổ sung mục tiêu đến năm 2020

- Chế biến thủy sản: Tổng công suất nhà máy chế biến thủy sản đến năm 2020 đạt 30.000 tấn; sản lượng sản phẩm thủy sản chế biến khoảng 23.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 25 triệu USD.

- Cơ sở hạ tầng nghề cá: Đến năm 2020, tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các Khu neo đậu trú bão tàu cá, các cảng cá, các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các vùng cửa biển với tổng công suất 3.300 tàu 400 CV.

d4) Bổ sung chính sách

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp từ khai thác thủy sản ven bờ, nghề lưới kéo nghề lặn sang ngành nghề, dịch vụ khác.

đ) Tái cơ cấu diêm nghiệp

đ1) Điều chỉnh mục tiêu

- “Đến năm 2020, ổn định diện tích sản xuất muối 119 ha; **điều chỉnh thành** “Đến năm 2020, tổng diện tích sản xuất muối là 114,7 ha; sản lượng đạt 11.000 tấn, trong đó, diện tích sản xuất muối sạch theo hướng công nghiệp 51,55 ha, sản lượng đạt 6.000 tấn; tổ chức lại Hợp tác xã nghề muối và xây dựng mạng lưới chế biến, thị trường tiêu thụ muối ổn định”. Nghiên cứu, khảo sát chuyển đổi diện tích sản xuất muối kém hiệu quả sang đầu tư dự án năng lượng mặt trời kết hợp nuôi thủy sản (hải sâm, ốc hương...)

đ2) Bổ sung các dự án về phát triển nghề muối (dự án kêu gọi đầu tư)

- Dự án Sản xuất muối sạch kết tinh trên nền lót bạt HDPE giai đoạn 1.
- Dự án Nâng cao năng lực sản xuất của Hợp tác xã muối Sa Huỳnh.
- Dự án Hỗ trợ tập huấn, đào tạo chuyên đổi nghề cho lao động nghề muối.
- Dự án Đầu tư Nhà máy chế biến muối sạch Sa Huỳnh.
- Dự án Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại sản phẩm muối Sa Huỳnh.

- Dự án Đầu tư kho dự trữ, bảo quản muối (giai đoạn 2018 - 2020)

e) Bổ sung xây dựng cơ sở hạ tầng

e1) Bổ sung nhiệm vụ và giải pháp

- Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai, bão, lũ, lụt. Chủ động phòng chống, né tránh hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất, bảo vệ an toàn cho dân cư, ổn định và phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Nghiên cứu, đầu tư nhân rộng mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Trong đó, ưu tiên tưới cho cây rau, màu, cây lương thực, cây ăn quả, hành, tỏi ở huyện Lý Sơn và các xã ven biển.

e2) Bổ sung các dự án đầu tư

** Bổ sung các dự án, đề án phi công trình*

- Ứng dụng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các vùng sản xuất rau màu, cây lương thực, cây ăn quả tập trung; cây hành, tỏi ở huyện đảo Lý Sơn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin giám sát, điều khiển vận hành tự động công trình hồ chứa nước có cửa van điều tiết.

- Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dụng phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

** Bổ sung các dự án đầu tư xây dựng công trình*

- Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước

- Hệ thống hồ trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn.

- Quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước tập trung.

- Chính trị các cửa sông thuộc khu vực Cửa Đại, sông Trà Khúc-giai đoạn 1

- Các tuyến đê biển huyện Lý Sơn (giai đoạn 1).

g) Phát triển nông thôn

Bổ sung các dự án:

- Lập Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn gắn với mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Các quy hoạch trên sẽ được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành.

h) Bổ sung về giải pháp về huy động nguồn lực:

Khái toán tổng nhu cầu vốn bổ sung để thực hiện Đề án khoảng 3.164 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 1.868.450 triệu đồng, chiếm 59,1%, bao gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển : 385.092 triệu đồng

+ Vốn Chương trình mục tiêu: 102.873 triệu đồng

+ Vốn ODA: 150.000 triệu đồng.

+ Vốn theo Quyết định 48: 1.230.485 triệu đồng

- Vốn ngân sách địa phương: 306.299 triệu đồng, chiếm 9,7%, bao gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển: 227.570 triệu đồng

+ Vốn sự nghiệp: 78.729 triệu đồng

- Vốn doanh nghiệp: 937.736 triệu đồng, chiếm 29,6%.

- Vốn khác: 52.138 triệu đồng, chiếm 1,6%.

Ngoài các nguồn vốn trên, cần xã hội hóa từ các nguồn vốn khác để đầu tư vào Đề án đặc biệt là các nguồn vốn từ doanh nghiệp, ưu tiên cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Sau khi được Thường trực HĐND tỉnh thông nhất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020, UBND tỉnh sẽ đôn đốc, chỉ đạo cơ quan dự thảo khẩn trương hoàn thành các thủ tục theo quy định để trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 khóa XII của Hội đồng nhân dân tỉnh.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế nêu trên vào kỳ họp lần thứ 9, khóa XII của HĐND tỉnh (dự kiến đầu tháng 7/2018).

2. Cho phép thực hiện việc trình dự thảo Nghị quyết theo trình tự thủ tục rút gọn với lý do như sau:

- Bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai

đoạn 2015-2020 cho phù hợp với các chỉ tiêu của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), phù hợp với các quy định mới của Trung ương, theo quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng trình tự thủ tục rút gọn trong việc xây dựng, trình ban hành Nghị quyết.

- Nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 đã được cơ quan dự thảo lấy ý kiến góp ý đầy đủ của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, các ban đảng, các sở, ban, ngành, huyện ủy, UBND các huyện, thành phố và đã hoàn chỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến thống nhất tại Kết luận số 604-KL/TU ngày 02/5/2018.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh quan tâm xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và PTNT;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, NNTN (Vũ 313).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính